

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN QUẢN TRỊ VẬN HÀNH

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

Tên học phần (tiếng Việt): Quản trị vận hành

Tên học phần (tiếng Anh): Production Management

Trình độ: Đại học

Mã học phần: 0101100023

Mã tự quản: 13202044

Thuộc khối kiến thức: Cơ sở ngành

Loại học phần: Bắt buộc

Đơn vị phụ trách: Bộ môn kinh tế- khoa Quản trị kinh doanh

Số tín chỉ: 03 (2,1)

Phân bố thời gian:

- Số tiết lý thuyết : 30 tiết
- Số tiết thí nghiệm/thực hành (TN/TH): 30 tiết
- Số giờ tự học : 90 giờ

Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Không;
- Học phần học trước: Không;
- Học phần song hành: Không.

Hình thức giảng dạy: ☐ Trực tiếp ☐ Trực tuyến (online) ☒ Thay đổi theo HK

2. THÔNG TIN GIẢNG VIÊN

STT	Họ và tên	Email	Đơn vị công tác
1	TS. Nguyễn Văn Ít	itnv@huit.edu.vn	Khoa QTKD - HUIT
2	TS. Ngô Văn Thạo	thaonv@huit.edu.vn	Khoa QTKD - HUIT
3	ThS.Võ Thanh Hiền	hienvt@huit.edu.vn	Khoa QTKD - HUIT
4	ThS. Nguyễn Thị Thu Trang	trangntt@huit.edu.vn	Khoa QTKD - HUIT

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Quản trị vận hành thuộc khối kiến thức chuyên ngành như: Quản trị chiến lược, Nghệ thuật lãnh đạo, Quản trị bán hàng, Quan hệ công chúng... Học phần này một lĩnh vực quản lý liên quan đến việc thiết kế và kiểm soát quá trình sản xuất và thiết kế lại hoạt động kinh doanh trong sản xuất hàng hóa hoặc dịch vụ. Nó liên quan đến trách nhiệm đảm bảo rằng các hoạt động kinh doanh có hiệu quả trong việc sử dụng ít tài nguyên cần thiết và hiệu quả trong việc đáp ứng các yêu cầu của khách hàng. Quản lý vận hành chủ yếu liên quan đến việc lập kế hoạch, tổ chức và giám sát trong bối cảnh sản xuất, sản xuất hoặc cung cấp dịch vụ. Liên quan đến việc quản lý toàn bộ hệ thống

sản xuất là quá trình chuyển đổi các yếu tố đầu vào thành đầu ra như một tài sản hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ. Trong việc quản lý vận hành sản xuất hoặc dịch vụ, một số loại quyết định được đưa ra bao gồm chiến lược vận hành, thiết kế sản phẩm, thiết kế quy trình, quản lý chất lượng, năng lực, lập kế hoạch cơ sở, lập kế hoạch sản xuất và kiểm soát hàng tồn kho.

4. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Chuẩn đầu ra (CĐR) chi tiết của học phần như sau:

CĐR của CTĐT	CĐR học phần		Mô tả CĐR (Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng)	Mức độ năng lực
PLO 2.1	CLO1	CLO1.1	Áp dụng kiến thức để nhận dạng và xác định các yếu tố trong môi trường vận hành	C3
		CLO1.2	Phân tích các dạng hành vi khách hàng và yếu tố ảnh hưởng, các bước trong nghiên cứu marketing	C3
PLO 4	CLO2	CLO2	Áp dụng chính xác kỹ năng tự học, nghiên cứu và khám phá tri thức trong hoạt động quản trị kinh doanh và quản trị vận hành.	P3
PLO 6	CLO3		Áp dụng chính xác kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm hiệu quả trong các điều kiện khác nhau.	P3
PLO 9	CLO4		Áp dụng chính xác lập kế hoạch, điều phối, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động kinh doanh.	P3

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN

5.1. Phân bố thời gian tổng quát

STT	Tên chương/bài	Chuẩn đầu ra của học phần	Phân bố thời gian (tiết/giờ)		
			Lý thuyết	TN/TH	Tự học
1.	Chương 1. Một số vấn đề chung về quản lý sản xuất	CLO1.1; CLO1.2	9	3	0
2.	Chương 2. Dự báo	CLO1.1; CLO2 CLO3, CLO4	21	3	6
3.	Chương 3. Hoạch định tổng hợp	CLO1.1; CLO2 CLO3, CLO4	30	6	6
4.	Chương 4. Lập lịch trình sản xuất	CLO1.1; CLO2	30	6	6

STT	Tên chương/bài	Chuẩn đầu ra của học phần	Phân bố thời gian (tiết/giờ)		
			Lý thuyết	TN/TH	Tự học
		CLO3, CLO4			
5.	Chương 5. Quản trị hàng tồn kho	CLO1.1; CLO2 CLO3, CLO4	15	3	3
6.	Chương 6. Hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu	CLO1.1; CLO2 CLO3, CLO4	30	6	6
7.	Chương 7. Bố trí mặt bằng sản xuất	CLO1.1; CLO2 CLO3, CLO4	15	3	3
	Tổng	150	30	30	90

5.2. Nội dung chi tiết

Chương 1. Giới thiệu về quản trị vận hành

1.1. Một số khái niệm.

1.1.1. Khái niệm về vận hành

1.1.2. Khái niệm về quản trị vận hành

1.2. Lịch sử phát triển của lý thuyết quản trị vận hành.

1.3. Vấn đề năng suất trong quản trị vận hành.

1.3.1. Khái niệm về năng suất và ý nghĩa của năng suất

1.3.2. Những nhân tố tác động đến năng suất

1.4. Vấn đề lựa chọn chiến lược trong quản trị vận hành.

1.4.1. Khái niệm về chiến lược trong quản trị

1.4.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn chiến lược và ra quyết định

1.4.3. Kỹ thuật phân tích TOWS

1.5. Nội dung quản trị dịch vụ và sản xuất:

1.5.1. Quyết định về dự báo

1.5.2. Quyết định bố trí mặt bằng

1.5.3. Quyết định sử dụng các nguồn lực

1.5.4. Quyết định về nhu cầu vật tư

1.5.5. Quyết định về tồn kho

1.5.6. Quyết định về điều độ sản xuất tác nghiệp

Chương 2. Dự báo

2.1. Các loại dự báo.

2.1.1. Căn cứ vào thời đoạn dự báo

2.1.2. Căn cứ vào nội dung công việc cần dự báo

2.2. Các nhân tố tác động đến dự báo nhu cầu.

2.2.1. Các nhân tố chủ quan

2.2.2. Các nhân tố khách quan

2.3. Tác động của chu kỳ sống của sản phẩm đối với dự báo.

2.4. Các phương pháp dự báo nhu cầu.

2.4.1. Các phương pháp định tính

2.4.2. Các phương pháp định lượng

2.5. Giám sát và kiểm soát dự báo.

Chương 3. Những chiến lược hoạch định tổng hợp

3.1. Quá trình hoạch định tổng hợp.

3.1.1. Khái niệm

3.1.2. Môi quan hệ của hoạch định tổng hợp

3.1.3. Những chiến lược đơn thuần

3.1.4. Những chiến lược hỗn hợp

3.2. Các phương pháp hoạch định tổng hợp.

3.2.1. Phương pháp trực quan

3.2.2. Phương pháp biểu đồ và đồ thị

Chương 4. Lập trình sản xuất

4.1. Sắp xếp thứ tự tối ưu trong sản xuất dịch vụ.

4.1.1. Các nguyên tắc ưu tiên đối với những công việc cần làm trước

4.1.2. Đánh giá mức độ hợp lý của việc bố trí các công việc

4.1.3. Nguyên tắc Johnson

4.2. Phương pháp phân công công việc cho các máy.

4.3. Phương pháp sơ đồ GANTT.

4.4. Phương pháp sơ đồ PERT.

4.5. Sơ đồ PERT vẽ theo tỷ lệ và theo phương nằm ngang.

Chương 5. Quản trị hàng tồn kho

5.1. Những khái niệm liên quan đến quản trị tồn kho.

5.1.1. Chức năng quản trị tồn kho

5.1.2. Sử dụng kỹ thuật phân tích ABC để phân loại hàng tồn kho

5.1.3. Các loại chi phí tồn kho

5.2. Những mô hình tồn kho.

5.2.1. Mô hình sản lượng đơn hàng kinh tế cơ bản

5.2.2. Mô hình sản lượng đơn hàng sản xuất

5.2.3. Mô hình khấu trừ theo số lượng

5.2.4. Mô hình xác suất với thời gian cung ứng không đổi

5.3. Đo lường, đánh giá hiệu quả tồn kho.

Chương 6. Hoạch định nhu nguyên vật liệu

6.1. Các yêu cầu của mô hình tồn kho đối với các mặt hàng phụ thuộc trong lĩnh vực sản xuất.

6.2. Hệ thống hoạch định nhu cầu vật liệu.

6.2.1. Lợi ích của việc hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu

6.2.2. Cấu trúc của hệ thống hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu

6.3. Kỹ thuật xác định kích thước lô hàng.

6.3.1. Mô hình đưa hàng theo từng lô ứng với nhu cầu

6.3.2. Kỹ thuật xác định kích thước lô hàng theo mô hình sản lượng kinh tế

6.3.3. Xác định kích thước lô hàng theo kỹ thuật cân đối các thời kỳ bộ phận

Chương 7. Bố trí mặt bằng

7.1. Khái quát về chiến lược bố trí mặt bằng.

7.1.1. Khái niệm về bố trí mặt bằng

7.1.2. Nội dung của chiến lược bố trí mặt bằng

7.1.3. Tiêu chuẩn một mặt bằng được bố trí tốt

7.2. Các loại chiến lược bố trí mặt bằng.

7.2.1. Mặt bằng cố định vị trí

7.2.2. Mặt bằng định hướng theo công nghệ

7.2.3. Mặt bằng văn phòng

7.2.4. Bố trí mặt bằng cửa hàng bán lẻ

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Nhóm CDR của học phần			
		Kiến thức	Kỹ năng cá nhân	Kỹ năng tương tác/nhóm	Năng lực thực hành nghề nghiệp
		CLO1.1, 1.2, 1.3	CLO2	CLO 3	CLO 4
Thuyết trình	Lắng nghe, ghi chép, ghi nhớ và đặt câu hỏi	x			
Minh họa	Quan sát, ghi chép, đặt câu hỏi	x			
Vấn đáp	Vấn đáp	x	x		x
Bài tập tình huống (bài tập nhóm)	Đọc tài liệu, thảo luận nhóm, phản biện, trình bày.	x	x	x	x
Hướng dẫn người học tìm kiếm văn bản luật đầu tư, đọc hiểu và kiểm tra kiến thức	Tìm kiếm văn bản về đầu tư nước ngoài, tóm tắt, đặt câu hỏi làm rõ, và làm bài tập, kiểm tra	x	x	x	x

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Thang điểm đánh giá: 10/10
- Kế hoạch đánh giá học phần cụ thể như sau:

Hoạt động đánh giá	Thời điểm	Chuẩn đầu ra	Tỉ lệ (%)	Thang điểm/ Rubrics
QUÁ TRÌNH			40	
Chuyên cần	Suốt quá trình học	Không đánh giá CDR	10	
Bài tập				

Hoạt động đánh giá	Thời điểm	Chuẩn đầu ra	Tỉ lệ (%)	Thang điểm/ Rubrics
<i>Bài tập cá nhân</i>	Sau khi hoàn thành chương 5	CLO 1.1, CLO 1.2	15	Theo thang điểm của câu hỏi
<i>Bài tập nhóm 1</i>	Sau khi hoàn thành chương 3,4,5	CLO 1.1, CLO 1.2, CLO4	15	Theo thang điểm của đề bài
THI CUỐI KỲ			60	
Thi trắc nghiệm	Sau khi kết thúc học phần	CLO1.1, CLO1.2, CLO 4		Theo thang điểm của đề thi

8. NGUỒN HỌC LIỆU

8.1. Sách, giáo trình

[1] Đồng Thị Thanh Phương, *Quản trị sản xuất & dịch vụ*, NXB Thống kê, 2016.

8.2. Tài liệu tham khảo

[1] Lưu Đan Thọ, *Quản trị vận hành hiện đại (Quản trị sản xuất và dịch vụ)*, NXB Bộ Tài Chính, 2016.

[2] Nguyễn Văn Dung, *Quản trị sản xuất và vận hành_Lý thuyết và bài giải toán*, NXB Lao Động, 2015.

8.3. Phần mềm

Không

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

Người học có nhiệm vụ:

- Tham dự trên 75% giờ học lý thuyết;
- Chủ động lên kế hoạch học tập:
 - + Tích cực khai thác các tài nguyên trong thư viện của trường và trên mạng để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và các hoạt động thảo luận;
 - + Đọc trước tài liệu do giảng viên cung cấp hoặc yêu cầu;
 - + Ôn tập các nội dung đã học; tự kiểm tra kiến thức bằng cách làm các bài trắc nghiệm kiểm tra hoặc bài tập được giảng viên cung cấp.
- Tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, trình bày, vấn đáp trên lớp và hoạt động nhóm;
- Chủ động hoàn thành đầy đủ, trung thực các bài tập cá nhân, bài tập nhóm theo yêu cầu;

- Dự kiểm tra trên lớp và thi cuối kỳ.

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Phạm vi áp dụng: Đề cương này được áp dụng cho chương trình đại học ngành Quản trị kinh doanh thực phẩm, từ khóa 15DH, năm học 2024-2025;
- Giảng viên: sử dụng đề cương này để làm cơ sở cho việc chuẩn bị bài giảng, lên kế hoạch giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của người học;
- Lưu ý: Trước khi giảng dạy, giảng viên cần nêu rõ các nội dung chính của đề cương học phần cho người học - bao gồm chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp dạy và học chủ yếu, phương pháp đánh giá và tài liệu tham khảo dùng cho học phần;
- Người học: sử dụng đề cương này làm cơ sở để nắm được các thông tin chi tiết về học phần, từ đó xác định được phương pháp học tập phù hợp để đạt được kết quả mong đợi.

11. PHÊ DUYỆT

☒ Phê duyệt lần đầu

☐ Bản cập nhật lần thứ:

Ngày phê duyệt: 12/08/2024

Ngày cập nhật:

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn/Trưởng ngành

Chủ nhiệm học phần

Huỳnh Quang Linh

Ngô Văn Thạo

Nguyễn Văn Ít